

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HC-PT

Ngày 05-3-2026

V/v khiếu kiện quyết định hành

chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Phước Thanh;

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Văn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 07/2025/TLPT- HC ngày 02-12-2025 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án sơ thẩm số: 01/2025/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1948. Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là ấp S, xã Đ, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà B: Ông Phạm Quốc S, sinh năm 1981. Địa chỉ: 3 đường C, phường B, Quận B (N là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 07-01-2025); có mặt.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tây Ninh). Địa chỉ trụ sở: Ấp T, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Tạ Hồng T; chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tây Ninh): Ông Tạ Hồng T; chức vụ Chủ tịch; vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Nay là ấp Ông Q, xã T, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt;

2. Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là ấp S, xã Đ, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt;

3. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là ấp S, xã Đ, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt;

4. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là ấp G, xã Đ, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt;

5. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là ấp S, xã Đ, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt;

6. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là ấp S, xã Đ, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt;

7. Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp); vắng mặt;

8. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là ấp S, xã Đ, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt;

9. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp Ông H, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Nay là ấp Ông H, xã T, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt;.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ú, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn N1: Ông Phạm Quốc S, sinh năm 1981. Địa chỉ: 3 đường C, phường B, Quận B (N là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 10-4-2025); có mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27-11-2024 và quá trình giải quyết, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị B do ông Phạm Quốc S đại diện hợp pháp trình bày: Thừa đất 383, 345; tờ bản đồ số 7; tổng diện tích 20.159 m²; đất tọa lạc ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh) nguồn gốc đất này do bà B nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị L1 (đất khai hoang). Năm 2003, Nhà nước thu hồi 02 thửa đất 383, 345 để cấp cho ông Đinh Công T2 là hộ dân kinh tế mới xin đất hoang để sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, từ khi Nhà nước có quyết định giao

đất cho ông T2 thì ông T2 chưa từng đến canh tác đất này; nên gia đình bà B vẫn quản lý, canh tác, sử dụng ổn định 02 thửa đất 383, 345 cho đến nay.

Năm 2024, bà B làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất 383, 345 thì Ủy ban nhân dân (Viết tắt UBND) xã M (Nay là UBND xã Đ) ban hành Công văn số 214/UBND-TCĐ ngày 27-3-2024 với nội dung: UBND xã M hiện nay đang quản lý các thửa đất số 383, 345, tờ bản đồ số 7, là đất công do Nhà nước quản lý nên không xác nhận nguồn gốc đất theo yêu cầu của bà B.

Bà B khiếu nại Công văn số 214/UBND-TCĐ ngày 27-3-2024. Đến ngày 05-06-2024, UBND xã M ban hành văn bản số 452/BB-UBND về biên bản đối thoại với người khiếu nại; kết quả không thống nhất.

Ngày 20-6-2024, Chủ tịch UBND xã M ban hành Quyết định số 513/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (lần đầu). Nội dung: giữ nguyên Công văn số 214/UBND-TCĐ ngày 27-3-2024 của UBND xã M, bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị B khiếu nại Công văn số 214/UBND-TCĐ ngày 27-3-2024 của UBND xã M về việc xem xét xác nhận nguồn gốc đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị B. Việc UBND xã M, huyện Đ ban hành Công văn số 214/UBND-TCĐ ngày 27-3-2024 và Chủ tịch UBND xã M ban hành Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 20-6-2024 làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của bà B. Bà B khởi kiện yêu cầu:

- Huỷ Công văn số 214/UBND-TCĐ ngày 27-3-2024 của UBND xã M.

- Huỷ Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 20-6-2024 của Chủ tịch UBND xã M về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (lần đầu).

Người bị kiện là UBND xã M, Chủ tịch UBND xã M (Nay là UBND xã Đ và Chủ tịch UBND xã Đ) do ông Tạ Hồng T, chức vụ Chủ tịch trình bày:

UBND xã Đ không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B. Lý do: Nguồn gốc 02 thửa đất 383, 345, tờ bản đồ số 7, tổng diện tích 20.159m², đất toạ lạc ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh) trước đây là đất hoang do bà Nguyễn Thị L1 khai dõ. Bà B thỏa thuận mượn đất sản xuất của bà L1 ngày 05-11-1996 và bà Võ Thị B1 ngày 20-11-1996.

Ngày 11-9-1998, bà Nguyễn Thị L1 làm Đơn xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất số 146.1, diện tích 13.000 m² và thửa đất số 9, diện tích 53.071 m²; tờ bản đồ số 8, tổng diện tích 66.071 m²; loại đất: Lúa; xứ đồng: Khu quy hoạch; nguồn gốc sử dụng: KV năm 1996, 1997.

Ngày 28-9-1998, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra trường hợp bà Nguyễn Thị L1, kết quả kiểm tra thực tế phần diện tích đất bà L1 đăng ký là đất có sản xuất, diện tích 6ha60.

Ngày 13-6-2003, Tổ kê biên tiến hành kiểm kê đất và tài sản trên đất trong phạm vi giải tỏa trường hợp bà B đăng ký, xác định được diện tích đất có bờ bao

dài 960m. Ngày 25-10-2006, Tổ kê biên tiến hành kiểm kê đất và tài sản trên đất trong phạm vi giải tỏa trường hợp bà Nguyễn Thị L1 đăng ký. Tổ kê biên xác định: Diện tích 24.000 m² là đất cày + bờ bao. Trong đó: Đất cày 24.000m², bờ bao dài 960m. Bà L1 đã nhận tiền đền bù dự án Nông Lâm nghiệp B xong đợt 4, đợt 5 năm 2007.

Trước đó bà B đã nhiều lần bị lập biên bản vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính về hành vi sử dụng 02 thửa đất 383, 345; tờ bản đồ số 7 này. Bà B và gia đình đã biết hai thửa đất 383, 345 là đất công do Nhà nước quản lý. Bà B và ông T1 cũng đã có cam kết giao trả lại đất công cho Nhà nước, cụ thể như sau:

Ngày 26-01-1999, bà B bị UBND xã B Biên bản về vi phạm luật đất đai.

Ngày 17-12-1999, Ban Q1 lập Biên bản vi phạm hành chính về pháp luật đất đai đối với bà Nguyễn Thị B.

Ngày 10-01-2000, UBND xã B có Quyết định số 06/QĐ ngày 10-01-2000 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật đất đai. Hình thức xử phạt: Cảnh cáo. Biện pháp khác: Buộc bà Nguyễn Thị B giao ngay diện tích 3,5ha đất đang chiếm giữ trong thời hạn 5 ngày, đồng thời bà B phải nhổ toàn bộ số tràm trên phần đất nói trên.

Ngày 08-8-2000, Đoàn cán bộ của H1 kết hợp với Ban Q2 có Biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị B tại Trụ sở Ban Q2. Nội dung làm việc: Căn cứ vào hồ sơ Ban Q2 kiểm tra ban đầu năm 1997, toàn bộ 02 khu vực đất cho mượn của bà B1 và bà L1 là đất hoang không được Nhà nước thừa nhận. Việc cho mượn tiền và vàng giữa bà B, bà L1 và bà B1 Nhà nước không giải quyết. Đoàn cán bộ của H1 kết hợp với Ban Q2 yêu cầu bà B có trách nhiệm nhổ tràm trên 02 lô đất trên để Nhà nước quản lý thời gian kể từ ngày 08-8-2000 đến 18-8-2000. Việc bà B tự ý cắt Nhà trên đất thuộc quyền quản lý của Nhà nước kể từ ngày 08-8-2000 đến 18-8-2000 phải tháo dỡ.

Ngày 13-9-2000, UBND xã B có Biên bản về việc giải quyết đất khu Kinh tế mới B, có trường hợp bà Nguyễn Thị B (vụ thứ 3). Nội dung: Bà Nguyễn Thị B không chấp hành theo Biên bản giải quyết ngày 08-8-2000 của Ban Q2.

Ngày 10-01-2003, UBND xã M lập Biên bản vi phạm hành chính về pháp luật đất đai đối với bà Nguyễn Thị B. Nội dung: Bà Nguyễn Thị B đã tự ý xạ lúa và xạ tràm trên phần đất mà Nhà nước đã giao cấp cho các hộ Lưu Văn Ổ (diện tích: 1,0ha lúa và 1,0ha tràm); Nguyễn Văn H2 (diện tích: 0,7 ha lúa và 0,5 ha tràm); Đinh Công T2 (diện tích: 0,7 ha lúa và 0,6 ha tràm); Lý Hoàng V (diện tích: 0,3 ha lúa và 0,6 ha tràm); Lâm Văn C1 (diện tích: 0,5 ha lúa). Tình tiết tăng nặng: Tái phạm hành vi lấn chiếm đất đai gây cản trở việc sử dụng đất của người khác.

Ngày 16-01-2003, UBND tỉnh L (Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 4473/QĐ.UB) có Biên bản làm việc với bà B. Nội dung: Bà B công nhận hiện tại

có lần chiếm xạ lúa và tràm trên phần diện tích 5,9 ha đất cấp cho 5 hộ dân kinh tế mới, không giao đất cho các hộ dân kinh tế mới.

Ngày 24-01-2003, UBND xã B có Tờ trình số 06/TT.UB/2003 về việc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý sử dụng đất đai đối với bà Nguyễn Thị B.

Ngày 27-01-2003, ông Đinh Công T2 thuộc đối tượng di dân nên được cấp một suất đất có diện tích là 20.900 m², thửa đất số 800, tờ bản đồ số 1, xã M thuộc khu kinh tế mới xã B, huyện Đ, tỉnh Long An theo Quyết định số 559/2003.QĐ.UB ngày 27-01-2003 "về việc giao đất cho cá nhân sản xuất nông nghiệp" của UBND huyện Đ. Ông T2 được giao đất nhưng không sản xuất nên UBND xã M quản lý, thông kê vào danh sách quản lý đất công do nhà nước quản lý.

Ngày 29-01-2003, UBND huyện Đ ra Quyết định số 574/2003/QĐ.UB Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật đất đai đối với bà Nguyễn Thị B đã có hành vi vi phạm: Chiếm 5,90ha đất thuộc quyền sử dụng của 05 hộ sau đây để xạ lúa, xạ tràm: Lưu Văn Ổ, diện tích bị chiếm 2,0ha tại một phần thửa đất số 784, tờ bản đồ số 02; Nguyễn Văn H2, diện tích bị chiếm 1,2 ha tại một phần thửa đất số 789, tờ bản đồ số 02; Đinh Công T2, diện tích bị chiếm 1,3 ha, một phần thửa đất số 800, tờ bản đồ số 01; Lý Hoàng V, diện tích bị chiếm 0,9ha tại một phần thửa đất số 805, tờ bản đồ số 02; Lâm Văn C1, diện tích bị chiếm 0,5 ha tại một phần thửa đất số 783, tờ bản đồ số 01.

Ngày 10-02-2003, UBND xã B có Biên bản công bố và trao Quyết định xử phạt cho bà Nguyễn Thị B.

Ngày 20-02-2003, Phòng Nông nghiệp - Địa chính có Tờ trình số 07/2003/TT.NN-ĐC về việc ra Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của UBND huyện Đ đối với bà Nguyễn Thị B.

Ngày 21-02-2003, UBND huyện Đ ra Thông báo số 06/2003/TB.UB về việc Thông báo "Thời gian cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 574/2003/QĐ.UB ngày 29-01-2003 của UBND huyện Đ đối với bà Nguyễn Thị B".

Ngày 21-02-2003, Phòng Nông nghiệp - Địa chính kết hợp với UBND xã B có Biên bản làm việc cùng bà Nguyễn Thị B về việc nhắc nhở thực hiện Quyết định số 574/QĐ.UB. Bà B có ý kiến: Do nhận thức trình độ không am hiểu pháp luật nên tự ý trồng tràm, lúa. Qua phân tích của cán bộ làm việc, bà B xin hứa sẽ chấp hành tuyệt đối Quyết định của Nhà nước. Bà B xin xem xét để miễn hình phạt tiền. Lý do: Hoàn cảnh gia đình nghèo, không có khả năng nộp tiền phạt.

Ngày 24-02-2003, UBND huyện Đ ra Quyết định số 658/2003/QĐ.UB Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của UBND huyện Đ đối với bà Nguyễn Thị B.

Ngày 25-02-2003, UBND huyện Đ tiến hành cưỡng chế có Biên bản về việc Tổ chức cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt hành chính của UBND huyện Đ đối với bà Nguyễn Thị B. Ý kiến bà Nguyễn Thị B: Đồng ý giao lại 5,90ha đất lấn chiếm và chấp hành đúng theo Quyết định số 658/2003/QĐ.UB ngày 24-02-2003 của UBND huyện Đ.

Ngày 25-4-2003, tại Trụ sở Ban Q3 mới B, đại diện Ban quản lý có Biên bản về việc giao cấp đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị B, ngụ ấp A, xã B: sắp xếp giao cho gia đình bà Nguyễn Thị B 02 suất đất theo quy hoạch và theo sự lựa chọn vị trí đất của gia đình bà B gồm thửa đất số 784, diện tích 21.076 m² và thửa đất số 789, diện tích 20.988 m². Riêng phần bà B yêu cầu thành quả lao động. Ban quản lý căn cứ vào hồ sơ kiểm tra ban đầu của bà L1 đất có bờ bao chưa cày nên Ban quản lý thống nhất kê biên phần đất còn lại có bờ bao cho bà B.

Đến năm 2010, UBND xã M thực hiện dự án đo đạc lập bản đồ địa chính theo QĐ số: 3104/QĐ-UBND ngày 03-11-2010 về việc thực hiện dự án đo đạc lập bản đồ địa chính của 3 xã, 1 thị trấn thuộc huyện Đ nên thửa đất số 784, 789, tổng diện tích 42.064m² theo hồ sơ địa chính mới đo đạc lại thành các thửa đất số 325, 326, 296, 328, 329, 327, 344, 346, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Gia đình bà B đã kê khai đăng ký theo hồ sơ địa chính mới và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 suất đất được cấp. Cụ thể: bà B kê khai đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa số 325, 326, 327, 329, 344, 346 tờ bản đồ số 7 tổng diện tích: 31.282,5m², đất tọa lạc ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Văn S1 (con ruột bà B) kê khai đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất số 296, 328, tờ bản đồ số 7, tổng diện tích 13.305,3m², đất tọa lạc ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 08-11-2005, UBND xã M có Biên bản "Họp Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã M những hộ bỏ đất đề nghị thu hồi. Có trường hợp đề nghị thu hồi đất của ông Đình Công T2 (ấp D xã M) số thửa 800, diện tích 20.900m², đất bỏ 03 năm, không nợ. Hội đồng thống nhất đề nghị thu hồi.

Tháng 11 năm 2005, UBND xã M có Tờ trình số 75/2005. TT.UB về việc đề nghị thu hồi đất (Có danh sách kèm theo ngày 22-11-2005).

Ngày 15-12-2010, Công chức địa chính xã M kết hợp với Phòng T3 huyện lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 14/BB-VPHC ngày 14-12-2010 đối với bà B với hành vi chiếm đất tại các thửa đất số 800, diện tích 20.900m² và thửa 805 một phần thửa, diện tích 1,6ha (tổng diện tích bà Nguyễn Thị B chiếm là 36.900m²).

Ngày 17-12-2010, UBND xã M có Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày Về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị B đã có hành vi vi phạm chiếm đất phần đất cụ thể như sau: Lý Hoàng V, số thửa 805 một

phần thửa, diện tích 16.000m²; Đất Nhà nước quản lý, số thửa 800, diện tích 20.900 m². Tổng diện tích vi phạm 36.900 m².

Ngày 23-12-2010, Phòng T3 huyện có Tờ trình số 54/TTr-UBND Về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh đất đai đối với bà Nguyễn Thị B đã có hành vi vi phạm chiếm phần đất do Nhà nước cấp cho ông Lý Hoàng V tại số thửa 805 (một phần thửa), tờ bản đồ số 02 (B2), diện tích 16.000 m² và đất Nhà nước quản lý tại thửa số 800, tờ bản đồ số 02 (BT), diện tích 20.900 m².

Từ nguồn gốc và quá trình quản lý sử dụng đất và xử lý nêu trên thì bà B đã được sắp xếp cấp 02 suất đất trong Khu kinh tế mới B và đã đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong. Hai (02) thửa đất 383, 345; tờ bản đồ số 7; tổng diện tích 20.159m², đất toạ lạc ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh) mà bà B đề nghị xác nhận nguồn gốc đất để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất công do Nhà nước quản lý. Do đó yêu cầu xác nhận nguồn gốc đất của bà B là không có cơ sở pháp lý để giải quyết. Vì vậy UBND xã M ban hành Công văn số 214/UBND-KT ngày 27-3-2024 về việc trả lời kiến nghị xem xét xác nhận nguồn gốc đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị B là đúng quy định pháp luật. Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 20-6-2024 của Chủ tịch UBND xã M về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (lần đầu) là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Ú, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn N1, đều do ông Phạm Quốc S đại diện hợp pháp trình bày:

Đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B, không ai có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 29, Điều 30, Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 193, Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 11; điểm a, b khoản 2 Điều 12, Điều 25, Điều 27 của Luật Khiếu nại; Điều 22, Điều 23, Điều 24 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 139 của Luật Đất đai năm 2024; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tây Ninh), về việc “Yêu cầu huỷ Công văn số 214/UBND-TCD ngày 27-3-2024 của Ủy ban nhân dân xã M”.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tây Ninh), về việc “Yêu cầu huỷ Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 20-6-2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (lần đầu)”.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12-9-2025, bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Quốc S là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà B giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B.

Việc UBND xã M trả lời thừa đất 383, 345 thuộc đất công do Nhà nước quản lý là không đúng; vì từ năm 2003 bà B quản lý sử dụng đất này đến nay, đủ điều kiện để yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày:

Về tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng Hành chính trong việc thụ lý vụ án, ban hành văn bản tố tụng đúng thẩm quyền và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự, bảo đảm đúng trình tự thủ tục, dân chủ trong xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa. Đối với những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

1.2. Người khởi kiện bà Nguyễn Thị B; ông Tạ Hồng T là người đại diện hợp pháp cho người bị kiện và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa và người đại diện hợp pháp; nên căn cứ Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu huỷ Công văn số 214/UBND-TCD ngày 27-3-2024 của Ủy ban nhân dân xã M, về việc trả lời không xác nhận nguồn gốc đất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị B xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 383, 345; tờ bản đồ số 7, tại xã M; vì đất này là đất công, do Nhà nước quản lý và bà B yêu cầu huỷ Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 20-6-2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (lần đầu); là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3; Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

2.2. Xét về nội dung, trình tự thủ tục, căn cứ pháp luật và tính có căn cứ của các quyết định hành chính bị khiếu kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Công văn số 214/UBND-TCD ngày 27-3-2024 của UBND xã M và Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 20-6-2024 của Chủ tịch UBND xã M về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (lần đầu) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Theo bà Nguyễn Thị B và người đại diện hợp pháp của bà B trình bày cho rằng nguồn gốc diện tích đất 20.159 m²; thuộc thửa 383, 345; tờ bản đồ số 7; toạ lạc ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh) là do bà B nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị L1 nên bà B yêu cầu UBND xã M thực hiện thủ tục cấp giấy đất cho bà B, nhưng bà B không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà B và cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh việc bà B hay bà L1 đã được cấp một trong các loại giấy tờ về đất này theo quy định của Luật Đất đai. Đồng thời, người bị kiện cung cấp chứng cứ chứng minh việc bà B đã nhiều lần bị các cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai lập biên bản vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính đối với bà B về hành vi sử dụng đất trái phép. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ việc, chính quyền địa phương cũng có xem xét hoàn cảnh gia đình bà B và đã cấp đất khác cho gia đình bà B. Do đó, Ủy ban nhân dân xã M ban hành Công văn số 214/UBND-TCD ngày 27-3-2024, về việc trả lời không xác nhận nguồn gốc đất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị B xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 383, 345; tờ bản đồ số 7, tại xã M; vì đất này là đất công, do Nhà nước quản lý là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là có cơ sở.

[3] Từ những nhận định trên, nên chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B thuộc trường hợp được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;
2. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B;
3. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 10-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 29, Điều 30, Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 193, Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 11; điểm a, b khoản 2 Điều 12, Điều 25, Điều 27 của Luật Khiếu nại; Điều 22, Điều 23, Điều 24 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 139 của Luật Đất đai năm 2024; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

3.1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tây Ninh), về việc “Yêu cầu huỷ Công văn số 214/UBND-TCD ngày 27-3-2024 của Ủy ban nhân dân xã M”.

3.2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tây Ninh), về việc “Yêu cầu huỷ Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 20-6-2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (lần đầu)”.

3.3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 2.200.000 đồng (hai triệu, hai trăm nghìn đồng). Bà B đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

3.4. Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Tòa án nhân dân Khu vực 2; tỉnh TN;
- VKSND Khu vực 2;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2; tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Tuấn